KHO BẠC NHÀ NƯỚC **KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XVIII**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1391 /TB-KBXVIII	*Tây Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc bán thanh lý tài sản công là thiết bị công nghệ thông tin theo hình thức chỉ định

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 66/2025/TT-BTC ngày 01/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nội ngành của Bộ trưởng Bộ tài chính trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước; Quyết định số 2020/QĐ-BTC ngày 11/06/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 385/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5732/QĐ-BTC ngày 20/06/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước khu vực thuộc Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-KBXVIII ngày 04/08/2026 của Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII về việc thanh lý tài sản công là thiết bị công nghệ thông tin năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-KBXVIII ngày 14/08/2026 của Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII về việc phê duyệt giá bán thanh lý tài sản công là thiết bị công nghệ thông tin năm 2026;

KBNN khu vực XVIII thông báo bán thanh lý tài sản công là thiết bị công nghệ thông tin theo hình thức chỉ định như sau:

I. Tổ chức thực hiện bán tài sản.

1. Cơ quan có tài sản bán: Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII.

2. Địa chỉ: Số 18 tuyến tránh Quốc lộ 1, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.

3. Danh mục tài sản bán thanh lý: 308 máy tính để bàn, 06 máy tính xách tay và 196 máy in cũ, hỏng không sử dụng được (chi tiết theo danh mục kèm theo).

4. Phương thức bán: Bán chỉ định (theo lô, không tách lẻ).

6. Giá bán thanh lý tài sản: 83.920.000 đồng *(Tám mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)*.

7. Thời gian thực hiện thông báo: Thực hiện thông báo công khai tại trụ sở Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII (địa chỉ số 18 tuyến tránh Quốc lộ 1, phường Long An, tỉnh Tây Ninh); đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII từ ngày 17/08/2026 đến hết ngày 21/08/2026.

8. Xác định người mua: đơn vị, cá nhân có nhu cầu mua tài sản nộp Phiếu đăng ký mua tài sản (theo mẫu đính kèm) trong thời hạn niêm yết tại mục 7 thông báo này. Hết thời hạn niêm yết, căn cứ vào thời gian nộp phiếu đăng ký mua tài sản Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII sẽ chỉ định đơn vị, cá nhân nộp phiếu đăng ký mua tài sản đầu tiên được quyền mua tài sản.

9. Địa điểm lưu trữ tài sản:

- Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII (địa chỉ số 18 tuyến tránh Quốc lộ 1, phường Long An, tỉnh Tây Ninh).

- Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII (trụ sở 2) (địa chỉ số 208 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp).

- Phòng Giao dịch số 7, Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII (địa chỉ số 437 đường 30/4, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh).

- Phòng Giao dịch số 15, Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII (địa chỉ số 95 đường Nguyễn Huệ, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

II. Đối tượng không được tham gia đăng ký, mua chỉ định tài sản công.

1. Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công không được tham gia mua chỉ định tài sản công gồm:

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký mua tài sản không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

b) Người có thẩm quyền quyết định bán tài sản; người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản.

c) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm b khoản này.

2. Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII sẽ hủy kết quả Phiếu đăng ký mua tài sản đối với các đơn vị, cá nhân thuộc đối tượng không được tham gia mua chỉ định tài sản công nêu trên.

III. Thông tin liên hệ.

- Phòng Tài vụ - Quản trị, Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII.
- Địa chỉ: số 18 tuyến tránh Quốc lộ 1, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.
- SĐT: 0397 327 798 (Quang) hoặc 0942 727 997 (Minh).

**** Lưu ý:***

Các đơn vị, cá nhân đến đăng ký mua thanh lý tài sản phải mang theo các giấy tờ sau:

+ Phiếu đăng ký mua tài sản.

+ Giấy giới thiệu và CCCD/ Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với trường hợp người mua là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp).

+ CCCD/ Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với trường hợp người mua là cá nhân).

KBNN khu vực XVIII thông báo đến các đơn vị, cá nhân có nhu cầu mua tài sản được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Niêm yết thông báo;
- Ban Giám đốc (Báo cáo);
- Lưu: VT, TVQT, quangpm01 (04 bản).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XVIII
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Nguyễn Văn Hòa

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XVIII

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số 1391/TB-KBXVIII ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Kho bạc nhà nước khu vực XVIII)

1. Tên đơn vị/cá nhân đăng ký mua:.....

2. Mã số thuế:.....

3. Địa chỉ:.....

4. Số điện thoại:.....

5. Người đại diện[1]:....., chức vụ:.....

6. Số CCCD/CC/Hộ chiếu số:....., cấp ngày:.....

nơi cấp.....

7. Tài sản đăng ký mua: Lô tài sản theo Thông báo số 1391/TB-KBXVIII ngày 14/08/2026 về việc bán thanh lý tài sản công là thiết bị công nghệ thông tin theo hình thức chỉ định.

8. Giá bán chỉ định: 83.920.000 đồng.

Bằng chữ: Tám mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng.

Tôi xin đăng ký tham gia mua lô tài sản trên và cam kết các thông tin đã cung cấp là hoàn toàn chính xác./.

ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ MUA TÀI SẢN[2]

[1] Áp dụng đối với trường hợp đăng ký mua tài sản tại mục 1 là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp không phải là cá nhân.

[2] Nếu người đăng ký mua là cá nhân thì cá nhân ký, ghi rõ họ tên; nếu người đăng ký mua là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thì người đại diện ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XVIII

DANH MỤC
TÀI SẢN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN BÁN CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Thông báo số 1391 /TB-KBXVIII ngày 14 tháng 08 năm 2026 của Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII)

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	TỔNG CỘNG		**510**		**7.431.759.413**	**83.920.000**	
A	**KBNN khu vực XVIII (số 18 tuyến tránh Quốc lộ 1, phường Long An, tỉnh Tây Ninh)**		**153**		**2.172.068.412**	**24.880.000**	
I	**Máy tính để bàn**		**87**		**1.410.728.000**	**17.400.000**	
1	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
2	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
3	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
4	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
5	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
6	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
7	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 1
8	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 1
9	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 2
10	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 3
11	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 3
12	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 4
13	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 4
14	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 5
15	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 6
16	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
17	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
18	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
19	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
20	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
21	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
22	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
23	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
24	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
25	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
26	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
27	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
28	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
29	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
30	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
31	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
32	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
33	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
34	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
35	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
36	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
37	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
38	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
39	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
40	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
41	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
42	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
43	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
44	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
45	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
46	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
47	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
48	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
49	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
50	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
51	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
52	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 1
53	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 1
54	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 2
55	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 3
56	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 3
57	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 4
58	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 5
59	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 5
60	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 6
61	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 6
62	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
63	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
64	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
65	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
66	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
67	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
68	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
69	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
70	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
71	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
72	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
73	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
74	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
75	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
76	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
77	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 1
78	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 2
79	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 2
80	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 3
81	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 3
82	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 4
83	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 4
84	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 4
85	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 5
86	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 5
87	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 5
II	**Máy tính xách tay**		**3**		**52.790.000**	**900.000**	
1	Máy tính xách tay HP Probook 445 G6 notebook PC	Cái	1	2019	14.190.000	300.000	KBNN khu vực XVIII
2	Máy tính xách tay HP Probook 640 G1	Cái	1	2015	19.300.000	300.000	KBNN khu vực XVIII
3	Máy tính xách tay HP Probook640 G1	Cái	1	2015	19.300.000	300.000	KBNN khu vực XVIII
III	**Máy in**		**63**		**708.550.412**	**6.580.000**	
1	Máy in 24 kim A3 - Epson LQ 2180	Cái	1	2010	10.510.612	120.000	KBNN khu vực XVIII
2	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	KBNN khu vực XVIII
3	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	KBNN khu vực XVIII
4	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	KBNN khu vực XVIII
5	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	KBNN khu vực XVIII
6	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	KBNN khu vực XVIII

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
7	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	KBNN khu vực XVIII
8	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	KBNN khu vực XVIII
9	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	KBNN khu vực XVIII
10	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	KBNN khu vực XVIII
11	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
12	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
13	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
14	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
15	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
16	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
17	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
18	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
19	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
20	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
21	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
22	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
23	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
24	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
25	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
26	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
27	Máy in HP Laserjet Pro 402 D	Cái	1	2020	7.000.000	100.000	Phòng Giao dịch số 1
28	Máy in HP Laserjet Pro 402 D	Cái	1	2020	7.000.000	100.000	Phòng Giao dịch số 1
29	Máy in HP Laserjet Pro 402 D	Cái	1	2020	7.000.000	100.000	Phòng Giao dịch số 1
30	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 1
31	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 1
32	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 1
33	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 1
34	Máy in Canon LBP 2900	Cái	1	2020	3.700.000	100.000	Phòng Giao dịch số 2
35	Máy in Canon LBP 6030	Cái	1	2021	3.250.000	100.000	Phòng Giao dịch số 2
36	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2020	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 2
37	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 2
38	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 2
39	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 2
40	Máy in Canon LBP 2900	Cái	1	2021	4.900.000	100.000	Phòng Giao dịch số 3

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
41	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 3
42	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 3
43	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 3
44	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 3
45	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 3
46	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 4
47	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 4
48	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 4
49	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 4
50	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 4
51	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 5
52	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 5
53	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 5
54	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 5
55	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 5
56	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 5
57	Máy in A3 Laser Canon 3500(dùng cho công tác lưu trữ)	Cái	1	2013	14.500.000	120.000	Phòng Giao dịch số 6
58	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 6
59	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 6
60	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2016	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 6
61	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 6
62	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 6
63	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 6
B	**KBNN khu vực XVIII (trụ sở 2) (số 208 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp)**		**161**		**2.381.571.200**	**26.400.000**	
I	**Máy tính để bàn**		**94**		**1.537.239.000**	**18.800.000**	
1	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
2	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
3	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
4	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
5	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
6	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
7	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
8	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
9	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
10	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
11	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
12	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
13	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
14	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
15	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
16	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
17	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
18	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
19	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
20	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
21	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
22	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
23	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
24	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
25	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
26	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
27	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
28	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
29	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
30	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
31	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
32	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
33	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
34	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
35	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
36	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
37	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
38	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
39	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
40	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
41	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
42	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
43	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
44	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
45	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
46	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
47	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
48	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
49	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
50	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
51	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
52	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
53	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
54	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
55	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
56	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
57	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
58	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
59	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
60	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
61	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
62	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
63	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
64	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
65	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
66	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
67	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
68	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
69	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
70	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
71	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
72	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
73	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
74	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
75	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
76	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
77	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
78	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
79	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
80	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
81	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 11
82	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
83	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
84	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
85	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
86	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
87	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 12
88	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 13
89	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
90	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
91	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
92	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
93	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
94	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 14
II	**Máy tính xách tay**		**3**		**42.570.000**	**900.000**	
1	Máy tính xách tay HP Probook 445 G6 notebook PC	Cái	1	2019	14.190.000	300.000	KBNN khu vực XVIII
2	Máy tính xách tay HP Probook 445 G6 notebook PC	Cái	1	2019	14.190.000	300.000	KBNN khu vực XVIII
3	Máy tính xách tay HP Probook 445 G6 notebook PC	Cái	1	2019	14.190.000	300.000	KBNN khu vực XVIII
III	**Máy in**		**64**		**801.762.200**	**6.700.000**	
1	Máy in A4 Canon LBP 3370	Cái	1	2016	5.775.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
2	Máy in A4 Canon LBP 3370	Cái	1	2016	5.775.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
3	Máy in Laser A3 02 mặt HP 5200 DTN	Cái	1	2014	52.620.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
4	Máy in Laser A3 02 mặt HP 5200 DTN	Cái	1	2014	52.620.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
5	Máy in Laser A3 02 mặt HP 5200 DTN	Cái	1	2014	52.620.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
6	Máy in Laser A3 HP laser Jet Pro M706n	Cái	1	2015	19.752.250	120.000	KBNN khu vực XVIII
7	Máy in Laser A3 HP laser Jet Pro M706n	Cái	1	2015	19.567.900	120.000	KBNN khu vực XVIII
8	Máy in Laser A3 HP laser Jet Pro M706n	Cái	1	2015	19.567.900	120.000	KBNN khu vực XVIII
9	Máy in Laser A3 HP laser Jet Pro M706n	Cái	1	2015	19.567.900	120.000	KBNN khu vực XVIII
10	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	KBNN khu vực XVIII
11	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	KBNN khu vực XVIII
12	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	KBNN khu vực XVIII
13	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	KBNN khu vực XVIII

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
14	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	KBNN khu vực XVIII
15	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	KBNN khu vực XVIII
16	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	KBNN khu vực XVIII
17	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
18	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
19	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
20	Máy in Laser HP2014N	Cái	1	2016	7.750.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
21	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
22	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	KBNN khu vực XVIII
23	Máy in Lasert Brother HL- 5350DN	Cái	1	2016	7.600.000	100.000	KBNN khu vực XVIII
24	Máy in Canon LBP 2900	Cái	1	2016	3.150.000	100.000	Phòng Giao dịch số 11
25	Máy in HP laser jet M706n Printer (A3; Sêrial: CNBXH4DD4Y)	Cái	1	2015	19.752.250	120.000	Phòng Giao dịch số 11
26	Máy in Laser A3 HP laser Jet Pro M706n	Cái	1	2015	19.567.900	120.000	Phòng Giao dịch số 11
27	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 11
28	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	Phòng Giao dịch số 11
29	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 11
30	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 11
31	Máy in Laser Brother HL-2250DN	Cái	1	2016	2.950.000	100.000	Phòng Giao dịch số 11
32	Máy in A3 HP 5200DTN	Cái	1	2014	52.620.000	120.000	Phòng Giao dịch số 12
33	Máy in A4 Canon 3300 LQHA 461485	Cái	1	2016	4.200.000	100.000	Phòng Giao dịch số 12
34	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 12
35	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 12
36	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	Phòng Giao dịch số 12
37	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro 400 M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	Phòng Giao dịch số 12
38	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 12
39	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 12
40	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 12
41	Máy in Laser Brother 2250	Cái	1	2016	2.950.000	100.000	Phòng Giao dịch số 12
42	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 12
43	Máy in Lasert HP 2035 (2009)	Cái	1	2016	6.400.000	100.000	Phòng Giao dịch số 12
44	Máy in Brother HL5350	Cái	1	2016	4.760.700	100.000	Phòng Giao dịch số 13
45	Máy in HP Laser Jet Pro 2035 N	Cái	1	2016	7.300.000	100.000	Phòng Giao dịch số 13
46	Máy in lase Canon LBP 6650 DN	Cái	1	2016	5.775.000	100.000	Phòng Giao dịch số 13
47	Máy in lase Canon LBP 6650 DN	Cái	1	2016	5.775.000	100.000	Phòng Giao dịch số 13

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
48	Máy in Laser A4 02 mặt Brother HL-5450 DN.	Cái	1	2014	10.690.000	100.000	Phòng Giao dịch số 13
49	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 13
50	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 13
51	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	Phòng Giao dịch số 13
52	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 13
53	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 13
54	Máy in Laser LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 13
55	Máy in A4 Laser Jet Pro M401 dn	Cái	1	2014	10.690.000	100.000	Phòng Giao dịch số 14
56	Máy in Laser A3-Xerox 2065	Cái	1	2010	16.478.000	120.000	Phòng Giao dịch số 14
57	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 14
58	Máy in Laser A4 HP laser Jet Pro M401dne	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	Phòng Giao dịch số 14
59	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 14
60	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 14
61	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 14
62	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 14
63	Máy in Laser Brother (2250DN)	Cái	1	2016	2.950.000	100.000	Phòng Giao dịch số 14
64	Máy in Laser HP 2035	Cái	1	2016	6.900.000	100.000	Phòng Giao dịch số 14
C	**Phòng Giao dịch số 7 (số 437 đường 30/4, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh)**		**81**		**1.193.464.200**	**13.560.000**	
I	**Máy tính để bàn**		**53**		**830.929.000**	**10.600.000**	
1	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 8
2	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 9
3	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 9
4	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	Phòng Giao dịch số 10
5	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
6	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
7	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
8	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
9	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
10	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
11	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
12	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
13	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
14	Máy tính bàn phổ biến Dell OptiPlex 3060 (2019)	Cái	1	2019	12.672.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
15	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
16	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
17	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
18	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
19	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	KBNN khu vực XVIII
20	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
21	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
22	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
23	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
24	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
25	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
26	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 8
27	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 8
28	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 9
29	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 9
30	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 10
31	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 10
32	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
33	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
34	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
35	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
36	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
37	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
38	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
39	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
40	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
41	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 7
42	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 8
43	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 8
44	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 8
45	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 8
46	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 8
47	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 8
48	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 9
49	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 9

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
50	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 9
51	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 10
52	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 10
53	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 10
II	**Máy in**		**28**		**362.535.200**	**2.960.000**	
1	Máy in A3 LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 7
2	Máy in A3 LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 7
3	Máy in A3 LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 7
4	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 7
5	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 7
6	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 7
7	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 7
8	Máy in Laser A4: Canon LBP325X (2021)	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 7
9	Máy in Laser A4: Canon LBP325X (2021)	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 7
10	Máy in A3 LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 8
11	Máy in Laser A3 LBP 8780X-8261B008AA (2019)	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 8
12	Máy in Laser A3 LBP 8780X-8261B008AA (2019)	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 8
13	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 8
14	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 8
15	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 8
16	Máy in Laser A4: Canon LBP325X (2021)	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 8
17	Máy in Laser A4: Canon LBP325X (2021)	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 8
18	Máy in Laser A4: Canon LBP325X (2021)	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 8
19	Máy in A3 LBP 8780X-8261B008AA	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 9
20	Máy in Laser A3 LBP 8780X-8261B008AA (2019)	Cái	1	2019	24.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 9
21	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 9
22	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 9
23	Máy in Laser A4: Canon LBP325X (2021)	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 9
24	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng giao dịch số 10
25	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng giao dịch số 10
26	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501 dn Printer (2019)	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng giao dịch số 10
27	Máy in Laser A4: Canon LBP325X (2021)	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng giao dịch số 10
28	Máy in Laser A4: Canon LBP325X (2021)	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng giao dịch số 10
D	**Phòng Giao dịch số 15 (số 95 đường Nguyễn Huệ, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp)**		**115**		**1.684.655.601**	**19.080.000**	

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
I	**Máy tính để bàn**		**74**		**1.243.207.451**	**14.800.000**	
1	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
2	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
3	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
4	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
5	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
6	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
7	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
8	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
9	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19
10	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19
11	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 20
12	Máy tính chuyên dùng HP ProDesk 600 G2 SFF	Cái	1	2017	16.830.000	200.000	Phòng Giao dịch số 20
13	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
14	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
15	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
16	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
17	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
18	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
19	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
20	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
21	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
22	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
23	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
24	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
25	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
26	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
27	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
28	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
29	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
30	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
31	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19
32	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19
33	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
34	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19
35	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 20
36	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 20
37	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 20
38	Máy tính để bàn chuyên dùng ESPRIMO D738/E85 (2019)	Cái	1	2019	17.303.000	200.000	Phòng Giao dịch số 20
39	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
40	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
41	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
42	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
43	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
44	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
45	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
46	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
47	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
48	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
49	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
50	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
51	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
52	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
53	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 15
54	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
55	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
56	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
57	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
58	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 16
59	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
60	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
61	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
62	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 17
63	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
64	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
65	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
66	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 18
67	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
68	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19
69	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19
70	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 19
71	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 20
72	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 20
73	Máy tính để bàn OptiPlex 5080 SFF(chuyên dùng)	Cái	1	2021	16.335.000	200.000	Phòng Giao dịch số 20
74	Máy tính trạm HP Compaq Pro 6300 SFF PC	Cái	1	2015	19.644.451	200.000	Phòng Giao dịch số 15
II	**Máy in**		**41**		**441.448.150**	**4.280.000**	
1	Máy in A4 Laser Jet Pro M401 dn	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	Phòng Giao dịch số 15
2	Máy in HP LaserJet Pro M706N (A3)	Cái	1	2017	20.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 15
3	Máy in HP LaserJet Pro M706N (A3)	Cái	1	2017	20.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 15
4	Máy in HP LaserJet Pro M706N (A3)	Cái	1	2017	20.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 15
5	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 15
6	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 15
7	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 15
8	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 15
9	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 15
10	Máy in Laser A3 (HP B6S02A)	Cái	1	2015	19.567.900	120.000	Phòng Giao dịch số 16
11	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 16
12	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 16
13	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 16
14	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 16
15	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 16
16	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 16
17	Máy in HP LaserJet Pro M706N (A3)	Cái	1	2017	20.000.000	120.000	Phòng Giao dịch số 17
18	Máy in laser A4 Canon LBP325x	Cái	1	2021	8.199.400	100.000	Phòng Giao dịch số 17
19	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 17
20	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 17
21	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 17
22	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 17
23	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 17
24	Máy in Laser M706n (A3)	Cái	1	2015	19.752.250	120.000	Phòng Giao dịch số 17
25	Máy in A4 Laser Jet Pro M401dn	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	Phòng Giao dịch số 18
26	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 18

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá *(đồng)*	Giá bán thanh lý *(đồng)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
27	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 18
28	Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 18
29	Máy in HP HP Laser Jet Pro M 501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 19
30	Máy in HP Laser Jet Pro M 501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 19
31	Máy in HP Laser Jet Pro M 501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 19
32	Máy in Laser Cannon LBP 3300(Lưu trữ)	Cái	1	2016	4.150.000	100.000	Phòng Giao dịch số 19
33	Máy in Laser Jet Pro 400M401dne (HP CF399A)	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	Phòng Giao dịch số 19
34	Máy in Laser M706n (A3)	Cái	1	2015	19.752.250	120.000	Phòng Giao dịch số 19
35	MAY IN LASER A4 CANON LBP 3300	Cái	1	2016	4.150.000	100.000	Phòng Giao dịch số 20
36	Máy in Laser Jet Pro 400M401dne (HP CF399A)	Cái	1	2016	7.255.600	100.000	Phòng Giao dịch số 20
37	Máy in Laser M706n (A3)	Cái	1	2015	19.567.900	120.000	Phòng Giao dịch số 20
38	Máy in Laser M706n (A3)	Cái	1	2015	19.752.250	120.000	Phòng Giao dịch số 20
39	Máy in Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 20
40	Máy in Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 20
41	Máy in Máy in Laser A4 HP Laserjet Pro M501dn	Cái	1	2019	8.745.000	100.000	Phòng Giao dịch số 20